

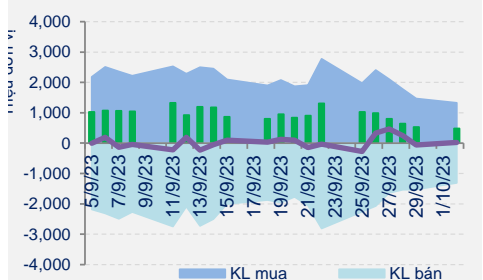
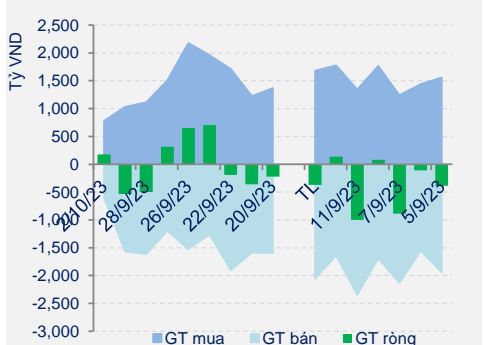
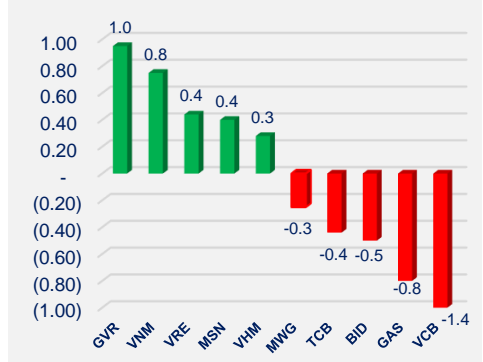
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,155.25	236.72
% Thay đổi	↑ 0.10%	↑ 0.16%
KLGD (CP)	485,538,886	71,076,874
GTGD (tỷ đồng)	23,495.66	2,710.35
Tổng cung (CP)	1,304,085,088	112,427,400
Tổng cầu (CP)	1,323,078,529	104,276,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	18,397,406	1,477,242
KL mua (CP)	24,892,015	807,655
GT mua (tỷ đồng)	777.97	17.01
GT bán (tỷ đồng)	600.03	21.39
GT ròng (tỷ đồng)	177.95	(4.37)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Thị trường bắt đầu kỳ giao dịch Quý IV/2023, mặc dù VN-INDEX đã trải qua tháng 09/2023 với áp lực giảm điểm mạnh, tuy nhiên kết thúc Quý III vẫn duy trì tăng điểm với những yếu tố vĩ mô dần cải thiện. VN-INDEX khởi đầu Quý IV tăng điểm hướng lên vùng 1.160 điểm, trong phiên điều chỉnh nhẹ và kết phiên tăng 1,10 điểm (+0,10%) lên mức 1.155,25 điểm với thanh khoản ở mức thấp. HNX-INDEX tăng 0,37 điểm (+0,16%) lên mức 236,72 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tích cực khi tổng cộng có 385 mã tăng giá (14 mã tăng trần), 267 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 134 mã giá tham chiếu.

Sau phiên kết thúc quý III với thanh khoản rất thấp, thanh khoản trên hai sàn hôm nay chỉ đạt 12.896,78 tỉ đồng, tương ứng khoảng 60% so với mức trung bình và là mức thấp nhất kể từ tháng 05/2023. Diễn biến này cho thấy thị trường phân hóa và tâm lý thận trọng sau nhịp giảm điểm mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài thu hẹp giao dịch, mua ròng trên sàn HOSE với giá trị 177,38 tỉ đồng, bán ròng trên HNX với giá trị 4,37 tỉ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin PMI ngành sản xuất Việt Nam đạt 49,7 trong tháng 9/2023, giảm trở lại xuống dưới mốc 50 điểm sau khi đạt trên 50,5 điểm trong tháng 8. Với kết quả này, S&P Global đánh giá, các điều kiện kinh doanh của các nhà sản xuất Việt Nam suy giảm, mặc dù mức suy giảm là nhỏ trong tháng 9, tích cực là số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ hai liên tiếp, và tốc độ tăng gần như ngang bằng với kỳ khảo sát trước.

Các nhóm cổ phiếu chủ yếu phân hóa khá mạnh và biến động trong biên độ hẹp phiên hôm nay. Nổi bật nhất là nhóm cổ phiếu thủy sản khi số liệu xuất khẩu thủy sản tháng 9 dần cho thấy dấu hiệu tích cực (giá trị xuất khẩu tháng 9/2023 tương đương cùng kỳ năm 2022). Đáng chú ý là sự hồi phục của mặt hàng cá tra với mức tăng trưởng dương 9% so với cùng kỳ năm ngoái, bên cạnh yếu tố tỉ giá có lợi cho xuất khẩu. Thông tin này giúp cho nhiều mã trong ngành có mức tăng tốt, nổi bật với ANV (+6,94%), FMC (+6,91%), CMX (+5,91%), IDI (+4,83%)..

Các cổ phiếu nông nghiệp, chăn nuôi cũng có diễn biến khá tích cực với thanh khoản cải thiện tốt như BAF (+5,15%), DBC (+2,51%), HAG (+2,33%), LTG (1,33%)...

Nhóm cổ phiếu đầu tư công, xây dựng vật liệu xây dựng sau áp lực bán mạnh cuối tháng 9, cũng có diễn biến phục hồi tốt trước thông tin giải ngân đầu tư công 09 tháng năm 2023 là năm đầu tiên giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng vượt mốc 50%. Tính đến này 30/9/2023, lượng giải ngân vốn đầu tư công khoảng 363.310 tỷ đồng, đạt 51,38% kế hoạch. Các cổ phiếu nổi bật với HHV (+ 4,76%), FCN (+4,45%), KSB (+3,28%), PHC (+3,18%), VCG (+2,90%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn có diễn biến kém tích cực nhất, ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số chung khi đa số chịu áp lực điều chỉnh với TPB (-1,96%), TCB (-1,49%), HDB (-1,44%), LPB (-1,44%).. ngoài các mã tăng giá nhẹ, thanh khoản ở mức thấp như OCB (+1,87%), MSB (+1,82%), STB (+0,65%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 tăng 6,2 điểm (+0,53%), chênh lệch thu hẹp âm -0,33 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 18,74% so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ mua bán trong phiên đã giảm mạnh trở lại. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30f2403 chênh lệch âm từ -2,13 điểm đến -10,83 điểm cho thấy các trader nghiêng về khả năng VN30 sẽ tiếp tục điều chỉnh nhẹ trong ngắn hạn và kém lạc quan đối với xu hướng VN30 ở các kỳ hạn lớn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau phiên hồi phục mạnh, thị trường tiếp tục giữ được hỗ trợ uptrend trung hạn 1.150 điểm bằng 4 phiên liên tiếp gần như đi ngang. Chốt phiên giao dịch đầu tuần Vn-Index tăng +1,10 điểm (+0,10%) và đóng cửa ở 1.155,25 điểm. Thị trường trong những phiên gần đây biến động ít gần như đi ngang một mặt cho thấy động lực tăng ngắn hạn đã suy giảm do đợt điều chỉnh với biên độ rộng, mặt khác tích cực hơn là ngưỡng hỗ trợ 1.150 điểm đang cho thấy hiệu quả và tin cậy. Khả năng thị trường tiếp tục duy trì được Uptrend trung hạn sẽ gia tăng.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường vẫn đang trong vùng điều chỉnh nhưng đã có nỗ lực phục hồi. Mặc dù kỳ vọng nhịp điều chỉnh có thể kết thúc trong ngắn hạn, tuy nhiên do biên độ dao động trong nhịp điều chỉnh vừa qua khá mạnh nên rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức cao, nhịp hồi phục có xảy ra cũng chỉ là nhịp hồi phục kỹ thuật và chưa thể kỳ vọng VnIndex sẽ tiếp tục xu hướng uptrend vượt 1.250 sớm.

Về góc nhìn trung hạn, xu hướng uptrend của thị trường vẫn đang được duy trì và VnIndex cần tiếp tục vận động tích cực trên ngưỡng 1.150 điểm để củng cố nền tảng và xu hướng. Trong trường hợp thị trường có nhịp hồi phục thì cũng vẫn cần thêm thời gian để hình thành nền tích lũy chặt chẽ. Do đó, xét về tổng thể xu hướng tích cực trung - dài hạn đang bị chững lại, việc VnIndex hồi phục sớm chỉ mang tính chất duy trì xu hướng uptrend mà không đòi hỏi phải tạo nền tích lũy quá dài.

Thị trường dù đang có tín hiệu hồi phục tuy nhiên vẫn có rủi ro VnIndex lại tiếp tục điều chỉnh trong các phiên tới. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng thấp, kiên nhẫn theo dõi diễn biến thị trường trong các phiên tới. Với nhà đầu tư trung, dài hạn khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	46.70	43-45	55-57	41	11.8	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.70	13-14	17.5-18.2	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	48.00	46-48	57-59	43	7.3	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.71	19.5-21	25.5-26	18	13.6	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	26.50	24-25.6	29-30	22	10.3	1.2%	415.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	22.00	18.5-20	24-25	17.5	21.2	-21.8%	2.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VHM	45.75	43.5-46	61-63	41	4.4	634.5%	1348.3%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	31.9	25.9	35-37	30	23.2%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	75.6	72.95	87-89	78	3.6%	Nắm giữ
28/9/2023	BSR	21.7	21.7	26-28	19	0.0%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

PMI tháng 9/2023: Số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhưng sản lượng có dấu hiệu suy giảm

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PM) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 49.7 trong tháng 9, giảm trở lại xuống dưới mốc 50 điểm sau khi đạt trên 50.5 điểm trong tháng 8. Với kết quả này, chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh của các nhà sản xuất Việt Nam suy giảm, mặc dù mức suy giảm là nhỏ. Sau khi cải thiện trong tháng 8, các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm nhẹ trong tháng 9. Dữ liệu khảo sát cho thấy nhu cầu và niềm tin kinh doanh tăng, nhưng cũng chỉ ra tình trạng năng lực sản xuất dư thừa dẫn đến giảm sản lượng và việc làm. Tốc độ lạm phát đã gia tăng khi cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng nhanh hơn vào thời điểm cuối quý 3.

UOB hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam cả năm 2023 xuống 5%

Báo cáo tăng trưởng kinh tế quý 3/2023 phát hành ngày 2/10 của Ngân hàng UOB nhận định, tốc độ tăng GDP thực tế của Việt Nam trong quý 3/2023 đã lên 5,33% so với cùng kỳ năm trước (từ mức 4,14% trong quý 2/2023) là nhờ những cải thiện trong hoạt động thương mại và sản lượng của các ngành sản xuất chế tạo cùng với các hoạt động trong nước. Mặc dù tăng trưởng GDP quý 3/2023 đã vững chắc hơn nhưng với kết quả hạn chế trong 6 tháng đầu năm, UOB đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng cả năm của Việt Nam xuống 5%, thay vì mức 5,2% trước đó....

Giá xăng giảm 900 đồng một lít

Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 900 đồng và E5 RON 92 hạ 690 đồng một lít. Dầu hỏa và diesel vẫn giữ nguyên giá bán như cách đây 10 ngày. Trong khi đó, dầu mazut giảm 390 đồng, về 17.450 đồng một kg. Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích lập từ Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Mức chi từ quỹ này cũng giảm về 0 đồng với hầu hết mặt hàng, trừ dầu diesel và dầu hỏa. Theo đó, mức xả quỹ với dầu diesel là 285 đồng, dầu hỏa 109 đồng, giảm 15 đồng và 191 đồng so với cách đây 10 ngày.

Bộ Tài chính từ chối một số kiến nghị của VASEP

Bộ Tài chính vừa có Công văn số 9494/BTC-VP gửi VASEP trả lời về đề xuất, kiến nghị của Hiệp hội, doanh nghiệp. Trong phụ lục kèm Công văn, Bộ Tài chính đề cập đến 6 nội dung đề xuất, kiến nghị của VASEP, nhưng chỉ có 3 nội dung được ghi nhận, xem xét và sửa đổi, bổ sung trong các văn bản thời gian tới; 3 đề xuất, kiến nghị còn lại bị bác bỏ. Một số kiến nghị của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) như cho phép không hồi tố thời gian chậm nộp thuế giá trị gia tăng, cải tiến quy trình kiểm tra sau thông quan hàng hóa... đã bị Bộ Tài chính bác bỏ với lý do "không có cơ sở"...



TIN DOANH NGHIỆP

HAH giảm gần 20% kế hoạch lãi 2023, công bố 4 tổ chức mua 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi

Ngày 28/09, HĐQT CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HOSE: HAH) công bố thông tin bất thường thông qua nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có việc điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2023 và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ. Cụ thể, HAH sẽ giảm lần lượt 10% kế hoạch doanh thu về 2,669 tỷ đồng và giảm 19% kế hoạch lãi ròng hợp nhất về 400 tỷ đồng. Đáng nói, HAH giảm kế hoạch doanh thu và lợi nhuận bất chấp việc điều chỉnh tăng gần 8% tổng sản lượng lên mức 1.086 triệu TEU. HĐQT HAH cũng đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện 8 tháng đầu năm 2023 với doanh thu 1,947 tỷ đồng và lãi ròng 288 tỷ đồng, ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2023 với chỉ tiêu như kế hoạch đã điều chỉnh nói trên.

DNSE muốn IPO 30 triệu cổ phiếu, giá chào bán không thấp hơn 30.000 đồng/CP

DNSE muốn IPO 30 triệu cổ phiếu, tương ứng 10% số cổ phiếu đang lưu hành với giá chào bán không thấp hơn 30.000 đồng/CP. Tổng giá trị chào bán theo giá chào bán tối thiểu dự kiến 900 tỷ đồng. Phương thức chào bán là dựng sổ. Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán DNSE vừa thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Thời gian sẽ thực hiện trong quý IV/2023 đến quý I/2024. Tổng lượng cổ phần trước chào bán là 300 triệu cổ phiếu, nếu chào bán thành công, tổng số cổ phần là 330 triệu, tương ứng vốn điều lệ là 3.300 tỷ đồng.

HAG muốn bán khách sạn Hoàng Anh Gia Lai để trả nợ trái phiếu gần 6 ngàn tỷ

Sau khi thông báo gia hạn thêm hai năm đối với lô trái phiếu 300 tỷ đồng, CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) tiếp tục cho hay sẽ thanh lý khách sạn Hoàng Anh Gia Lai để thanh toán một phần nợ của lô trái phiếu gần 6 ngàn tỷ huy động hồi 2016. Cụ thể, ngày 30/09, HĐQT HAG đã thông qua Nghị quyết về việc thanh lý toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc khách sạn Hoàng Anh Gia Lai tại số 1 đường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

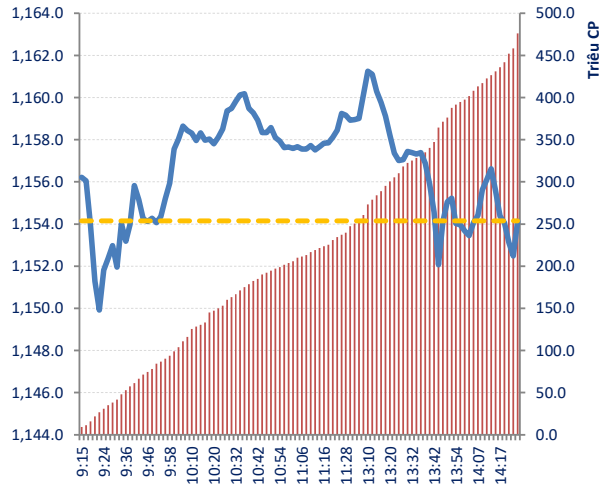
Doanh thu quý 3 của TNG đạt 2,103 tỷ, tăng 4% so cùng kỳ

Tháng 9/2023, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) ước đạt doanh thu tiêu thụ 599 tỷ đồng, giảm 17% so với tháng 8 nhưng tăng 8% so với cùng kỳ. Doanh thu quý 3 ước đạt 2,103 tỷ đồng, tăng hơn 4% so cùng kỳ. Lũy kế doanh thu 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu đạt 5,437 tỷ đồng, tăng 177 tỷ đồng (tăng 3%) so với cùng kỳ và thực hiện được 80% kế hoạch năm. Dệt may TNG hiện chưa công bố chi tiết cơ cấu doanh thu và thị trường tháng 9/2023.

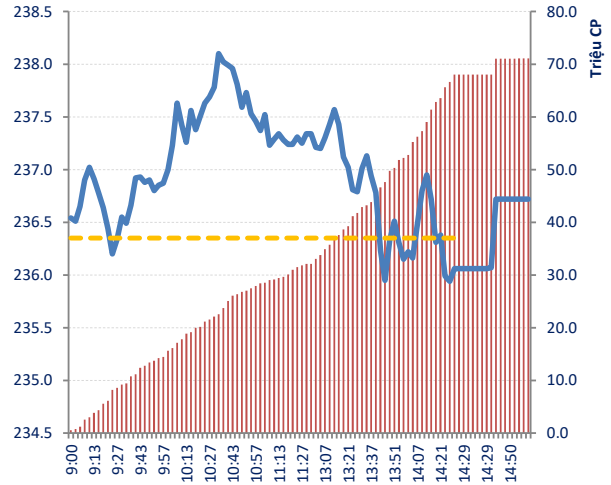


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

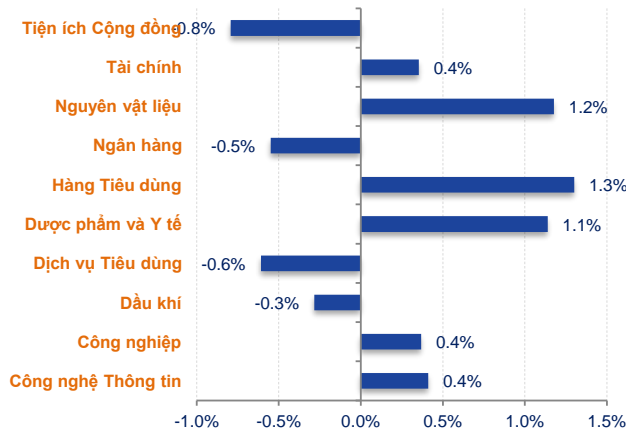
KLGD và VN-Index trong phiên



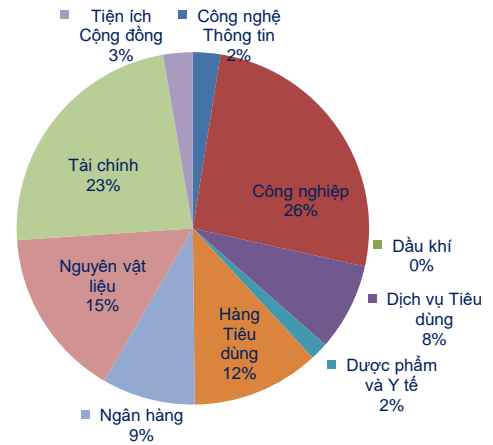
KLGD và HNX-Index trong phiên



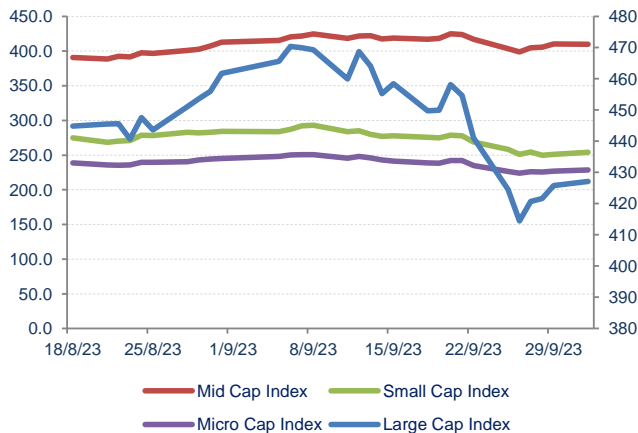
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



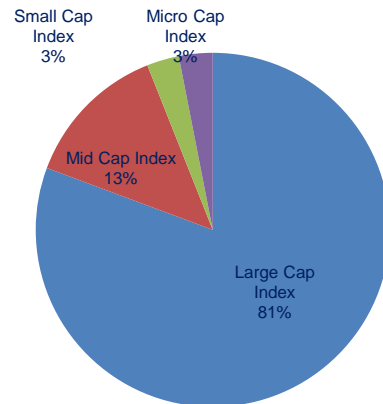
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	2,610,323	VPB	1,557,706	1	SHS	409,225	SVN	650,000
2	SSI	2,601,821	SHB	657,176	2	IDC	94,020	CEO	181,000
3	VRE	1,511,390	E1VFN30	580,970	3	VIG	31,100	PVS	121,082
4	VIX	1,376,508	LPB	513,528	4	TIG	18,500	TNG	109,800
5	VCG	972,694	VIC	484,089	5	BVS	10,900	NVB	100,000

Top 5 CP có KLGĐ lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.75	16.00	↑ 1.59%	30,483,807	SHS	17.20	17.40	↑ 1.16%	16,069,763
SSI	31.80	32.10	↑ 0.94%	17,237,207	HUT	24.50	24.20	↓ -1.22%	8,077,003
NVL	15.60	15.40	↓ -1.28%	14,010,700	CEO	21.30	21.60	↑ 1.41%	6,882,049
HSG	20.00	20.10	↑ 0.50%	12,523,900	PVS	38.60	37.90	↓ -1.81%	6,232,571
STB	30.65	30.85	↑ 0.65%	12,415,007	MBS	22.80	22.00	↓ -3.51%	5,082,083

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RDP	9.29	9.94	0.65	↑ 7.00%	TKG	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
TDW	51.70	55.30	3.60	↑ 6.96%	NTH	52.40	57.60	5.20	↑ 9.92%
ANV	36.00	38.50	2.50	↑ 6.94%	PIC	13.30	14.60	1.30	↑ 9.77%
FMC	46.30	49.50	3.20	↑ 6.91%	DTD	24.70	27.10	2.40	↑ 9.72%
YEG	11.95	12.75	0.80	↑ 6.69%	ARM	21.80	23.90	2.10	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPS	9.50	8.91	-0.59	↓ -6.21%	HHC	130.00	117.00	-13.00	↓ -10.00%
CVT	37.60	35.30	-2.30	↓ -6.12%	TXM	4.10	3.70	-0.40	↓ -9.76%
SVC	35.00	33.20	-1.80	↓ -5.14%	EBS	13.70	12.40	-1.30	↓ -9.49%
VAF	11.40	10.85	-0.55	↓ -4.82%	ALT	14.80	13.40	-1.40	↓ -9.46%
SMA	8.38	8.00	-0.38	↓ -4.53%	VIT	19.20	17.40	-1.80	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	30,483,807	7.0%	839	18.8	1.2
SSI	17,237,207	7.3%	1,093	29.1	2.2
NVL	14,010,700	-1.3%	(295)	-	0.7
HSG	12,523,900	-12.5%	(2,114)	-	1.2
STB	12,415,007	17.2%	3,601	8.5	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,069,763	4.3%	507	33.9	1.4
HUT	8,077,003	1.3%	129	190.7	5.6
CEO	6,882,049	7.7%	926	23.0	1.7
PVS	6,232,571	7.2%	1,953	19.8	1.4
MBS	5,082,083	10.0%	1,037	22.0	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RDP	↑ 7.0%	1.1%	152	61.3	0.7
TDW	↑ 7.0%	25.9%	6,507	7.9	2.0
ANV	↑ 6.9%	9.1%	2,074	17.4	1.6
FMC	↑ 6.9%	12.8%	4,086	11.3	1.5
YEG	↑ 6.7%	2.4%	654	18.3	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TKG	↑ 10.0%	3.1%	324	18.5	0.6
NTH	↑ 9.9%	36.0%	5,999	8.7	3.1
PIC	↑ 9.8%	10.9%	1,199	11.1	1.2
DTD	↑ 9.7%	20.5%	5,137	4.8	0.9
ARM	↑ 9.6%	11.0%	1,259	17.3	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2,610,323	-1.4%	(317)	-	0.8
SSI	2,601,821	7.3%	1,093	29.1	2.2
VRE	1,511,390	10.6%	1,588	16.4	1.7
VIX	1,376,508	7.0%	839	18.8	1.2
VCG	972,694	3.6%	672	35.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	409,225	4.3%	507	33.9	1.4
IDC	94,020	20.7%	3,969	11.7	2.5
VIG	31,100	6.9%	487	17.7	1.2
TIG	18,500	7.6%	1,091	9.3	0.7
BVS	10,900	8.3%	2,576	10.1	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	489,045	23.0%	5,797	15.1	3.2
BID	224,346	19.0%	4,025	11.0	2.0
GAS	208,314	20.3%	5,567	16.3	3.1
VHM	198,124	29.1%	10,341	4.4	1.2
VIC	178,683	3.9%	1,395	33.6	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	21,867	1.3%	129	190.7	5.6
PVS	18,449	7.2%	1,953	19.8	1.4
IDC	15,279	20.7%	3,969	11.7	2.5
SHS	13,986	4.3%	507	33.9	1.4
THD	13,552	2.9%	458	76.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.97	-0.4%	(63)	-	0.7
AGM	3.66	-50.2%	(10,382)	-	0.5
DXS	3.19	-0.4%	(82)	-	0.5
LDG	3.00	-5.5%	(693)	-	0.3
HPX	2.85	4.6%	540	10.1	0.5

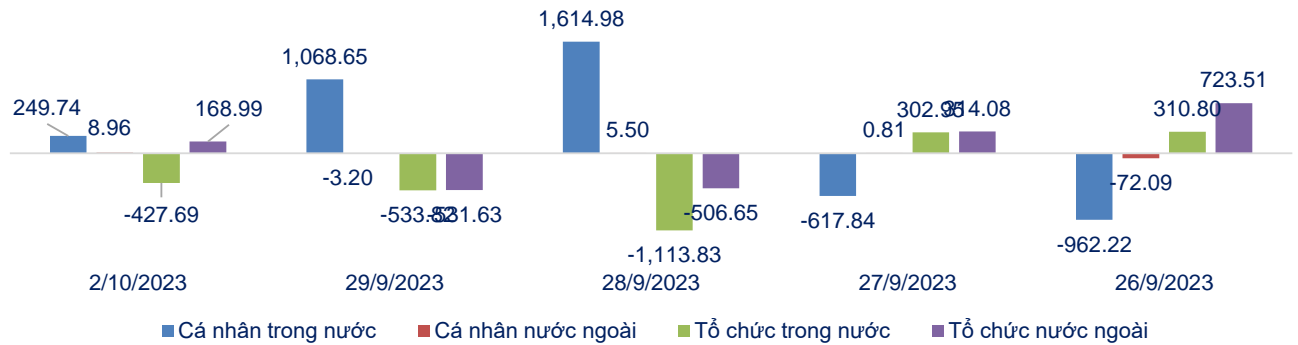
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	3.23	3.9%	562	20.1	0.8
VC7	2.97	2.4%	261	86.2	2.1
AAV	2.60	-1.4%	(169)	-	0.4
IDJ	2.57	5.8%	656	9.3	0.5
L14	2.47	12.8%	1,653	26.9	3.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	94.89	7.0%	839	18.8	1.2
VPB	68.76	11.1%	1,728	12.6	1.4
VIC	45.33	3.9%	1,395	33.6	1.3
EIB	38.45	12.2%	1,462	12.3	1.5
HPG	33.03	-2.0%	(328)	-	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-65.73	7.3%	1,093	29.1	2.2
DGC	-55.35	36.6%	10,780	8.7	3.0
VRE	-34.71	10.6%	1,588	16.4	1.7
VCG	-34.46	3.6%	672	35.9	1.3
HCM	-34.37	7.2%	1,250	24.4	1.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	3.71	15.8%	3,664	8.2	1.2
STB	3.05	17.2%	3,601	8.5	1.4
TPB	2.73	18.6%	2,686	6.6	1.3
HDB	2.71	20.3%	2,765	6.3	1.2
VPB	1.66	11.1%	1,728	12.6	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-2.63	10.6%	1,588	16.4	1.7
MWG	-2.05	6.6%	1,069	49.2	3.3
SHB	-1.15	17.7%	2,183	5.1	0.8
EVE	-1.07	7.9%	1,903	8.5	0.7
SSI	-0.82	7.3%	1,093	29.1	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	22.35	15.8%	3,664	8.2	1.2
HCM	21.49	7.2%	1,250	24.4	1.8
MSB	16.59	17.5%	2,414	5.7	0.9
DCM	11.22	21.5%	4,286	7.6	1.6
DGC	11.09	36.6%	10,780	8.7	3.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-117.08	7.0%	839	18.8	1.2
DXG	-48.32	-1.4%	(317)	-	0.8
EIB	-37.48	12.2%	1,462	12.3	1.5
VPB	-35.04	11.1%	1,728	12.6	1.4
MSN	-34.73	3.6%	919	83.0	2.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	84.85	7.3%	1,093	29.1	2.2
DXG	50.41	-1.4%	(317)	-	0.8
DGC	43.90	36.6%	10,780	8.7	3.0
VRE	43.30	10.6%	1,588	16.4	1.7
VNM	28.55	23.9%	3,937	18.8	4.2

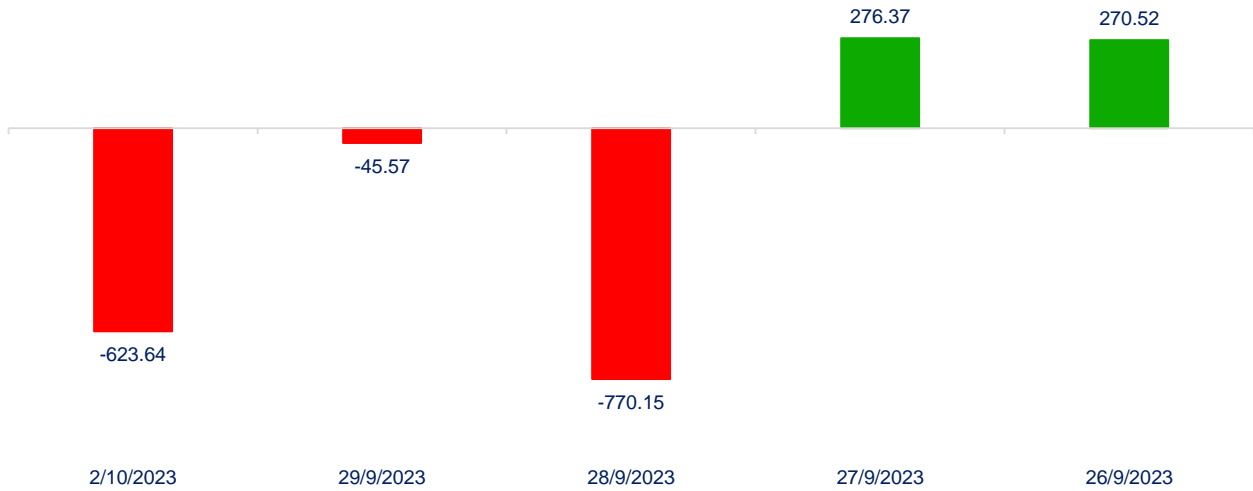
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-35.38	11.1%	1,728	12.6	1.4
VIC	-22.95	3.9%	1,395	33.6	1.3
VCI	-17.62	5.0%	783	52.7	2.4
GMD	-15.44	26.9%	7,572	8.8	2.1
FUEVFVND	-12.08	N/A	N/A	N/A	N/A

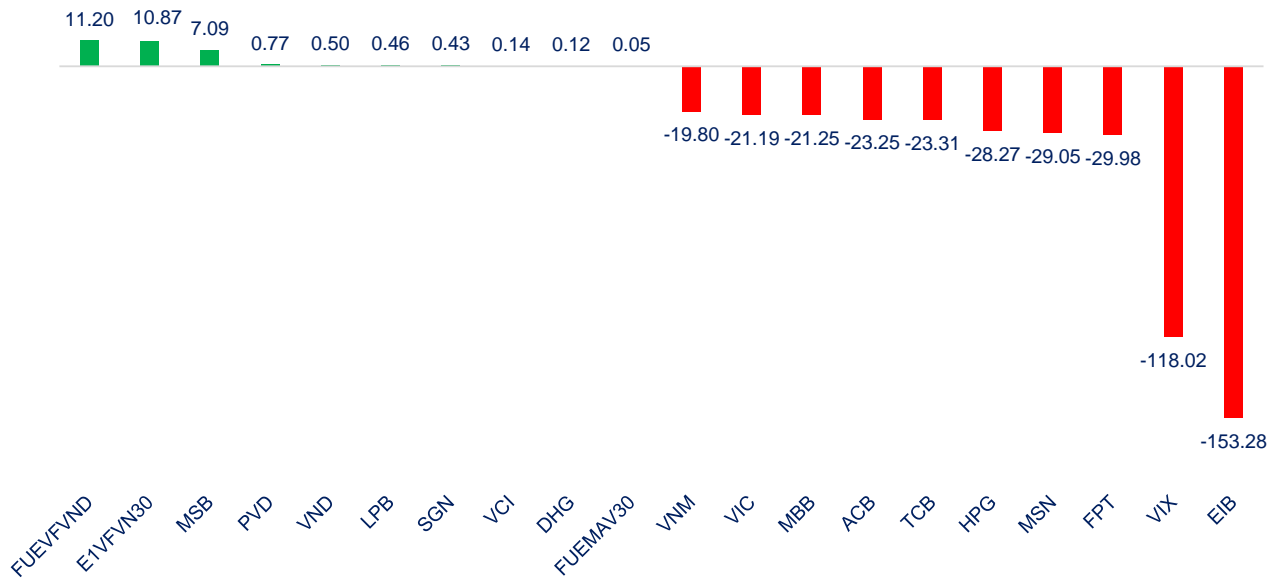


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn